

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2018

V/v: “Ly hôn giữa bà Th và ông Nh”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ.
2. Ông Nguyễn Văn Mẫn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tiêu Như Th, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: ấp P L, xã M T B, huyện C T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh Nh, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: ấp C S, xã T Y, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/10/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Tiêu Như Th trình bày: Bà Th, ông Nh tự tìm hiểu quen nhau được khoảng 03 tháng, đi đến tổ chức cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn trễ hạn và được UBND xã T Y, huyện U M T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/4/2011.

Lý do bà Th yêu cầu xin ly hôn: Bà Th cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử hàng ngày, mỗi người có suy nghĩ và hành động khác nhau, từ đó vợ chồng thường xảy ra cự cãi, xúc phạm nhau. Thấy chung sống không hạnh phúc nên đôi bên đã ly thân với nhau từ tháng 6/2014 cho đến nay.

Về con chung: Bà Th xác nhận có 02 người con tên Võ Thanh N, sinh ngày 28/11/2011 và Võ Ngọc N Y, sinh ngày 29/9/2014, hiện đang sống với bà Th.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Th yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà Th xin được ly hôn với ông Nh.

Về con chung: Bà Th yêu cầu được 02 người con tên Võ Thanh N, sinh ngày 28/11/2011 và Võ Ngọc N Y, sinh ngày 29/9/2014. Bà Th không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa bị đơn ông Võ Thành Nh vắng mặt.** Tại bản tự khai đề ngày 02/3/2018 ông Nh có ý kiến xác nhận:

Về hôn nhân: Ông Nh đồng ý ly hôn với bà Th.

Về con chung: Ông Nh yêu cầu được nuôi người con tên Võ Thanh N và đồng ý giao người con tên Võ Ngọc N Y cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Nh và bà Th không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa hợp lệ, nhưng ông Nh có tình lách mặt không đến tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn ông Võ Thanh Nh.

[2] *Nhận định về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa bà Th xác nhận, bà Th, ông Nh tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn trễ hạn và được UBND xã T Y, huyện U M T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/4/2011, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng bà Th, ông Nh không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc: Xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử, sinh hoạt thường ngày; vợ chồng không còn thông cảm, quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án bà Th và ông Nh đều thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Bà Th và ông Nh đã ly thân với nhau từ tháng 06/2014 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông Nh đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất cho ly hôn giữa bà Tiêu Như Th và ông Võ Thành Nh.

[4] Về con chung: Có 02 người con tên Võ Thanh N, sinh ngày 28/11/2011 và Võ Ngọc N Y, sinh ngày 29/9/2014. Bà Th yêu cầu được nuôi 02 người con. Ông Nh yêu cầu nuôi người con tên Võ Thanh N. Bà Th, ông Nh không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, 02 người con tên Võ Thanh N và Võ Ngọc N Y hiện do bà Th trực tiếp nuôi dưỡng; quá trình trông nom, nuôi dưỡng bà Th đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người mẹ đối với con; đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của con. Vì vậy, để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển, quyền lợi mọi mặt của con. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: Giao 02 người con chung tên Võ Thanh N và Võ Ngọc N Y cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Bác yêu cầu của ông Nh yêu cầu nuôi người con tên Võ Thanh N. Do bà Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th, ông Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Th phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Tiêu Như Th và ông Võ Thành Nh.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Võ Thanh N, sinh ngày 28/11/2011 và Võ Ngọc N Y, sinh ngày 29/9/2014 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Th không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

Bà Th và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th, ông Nh xác nhận không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Bà Th đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006776, ngày 18/01/2018 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, nên bà Th được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- THA DS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa